

Số: 95/2020/QĐST – HNGĐ

G, ngày 24 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 107/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Tổng Thế T, sinh năm 1982.

Trú tại: Thôn Cao Bích, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1982.

Trú tại: Xóm 25, thôn Cầu Lân, xã G, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Tổng Thế T và chị Dương Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Anh Tổng Thế T và chị Dương Thị N đều xác định có một con chung là cháu Tổng Thị Kim N, sinh ngày 03/5/2015. Hiện nay, cháu N đang ở với chị N. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao cháu Tổng Thị Kim N cho chị Dương Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Tổng Thế T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Dương Thị N. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung:

Anh Tổng Thê T và chị Dương Thị N tự thỏa thuận về tài sản chung, công nợ chung và đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

2.3. Về án phí: Anh Tổng Thê T phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2019/0000119 ngày 20/8/2020. Trả lại cho anh T số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục Thi hành án DS huyện GV;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Hữu Q